**Quản lý tài liệu chuyên nghiệp**

Nếu “Nam quốc sơn hà” được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc thì “Bình Ngô Đại Cáo” xứng đáng được tôn xưng như bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai. Bằng ngòi bút và tư tưởng vượt trước thời đại của mình, Nguyễn Trãi đã tạo nên một thiên anh hùng ca, vừa có giá trị văn học vừa có giá trị lịch sử sâu sắc.

Nguyễn Trãi không chỉ là một nhà quân sự tài ba, đóng góp quan trọng cho việc thành lập nhà Lê mà ông còn là một nhà thơ với sự nghiệp sáng tác đồ sộ. Ông để lại tiếng thơm cho đời bởi những tư tưởng nhân nghĩa ông gửi gắm trong từng tác phẩm của mình. Tiêu biểu trong số ấy là “Bình Ngô Đại Cáo” ra đời vào mùa xuân năm 1482, tựa một bản tuyên ngôn hùng hồn của dân tộc. Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, Nguyễn Trãi thay vua Lê Lợi thảo bản cáo này để tuyên bố sự thắng lợi của quân và dân ta. Nhan đề tác phẩm có nghĩa là: bài cáo quan trọng tuyên bố về việc dẹp yên giặc Ngô (tên gọi hàm ý khinh bỉ thay cho giặc Minh).

Trước hết, Nguyễn Trãi đặt ra tiền đề lí luận cho những lí lẽ của mình. Ông đi vào khẳng định cốt lõi của tư tưởng nhân nghĩa, lấy dân làm gốc. Nếu trong Nho giáo, nhân nghĩa là mối quan hệ giữa người với người trên cơ sở tình thương và đạo lí thì đến Nguyễn Trãi, ông đã tiếp thu và mở rộng phạm vi nhân nghĩa ra:

“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”

Nhân nghĩa không chỉ là việc làm cho dân hạnh phúc (“yên dân”) mà còn cả việc trừ bạo tàn, diệt những kẻ làm dân khốn đốn (“trừ bạo”). Đây hoàn toàn là một lời khẳng định đanh thép về bản chất của ta và địch: ta chính nghĩa, địch phi nghĩa. Qua đó còn thể hiện sự tuyên bố về quốc gia và chủ quyền. Nguyễn Trãi đã tài tình nêu ra một loạt các dẫn chứng thuyết phục cho chân lí độc lập không thể chối cãi của dân tộc: có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, có phong tục phong phú và lịch sử lâu đời,… Song hành với đó, các từ “từ trước”, “đã lâu”, “vốn xưng”, “đã chia” góp phần củng cố thêm sự tồn tại hiển nhiên của đất nước ta. Bản thân Nguyễn Trãi cũng có ý thức về chủ quyền độc lập cao độ khi dùng phép so sánh ngang bằng khi so sánh triều đại Đại Việt ta và triều đại Trung Hoa. Trong khi vua phương Bắc trước nay chỉ gọi vua ta là “Vương” (chức cai quản một vùng đất nhỏ) thì Nguyễn Trãi khẳng khái gọi “Đế” (danh gọi vua của một nước). Chỉ một chữ đó thôi nhưng cũng thể hiện lòng kiêu hãnh của một nước nhỏ về diện tích lãnh thổ nhưng không hề nhỏ về lòng tự tôn dân tộc. Các danh tướng của giặc lần lượt được liệt kê chỉ thêm tô đậm lời cảnh cáo về kết cục của kẻ chống lại chân lí: Lưu Cung thất bại, Triệu Tiết tiêu vong, Toa Đô bị bắt sống,… Tư tưởng nhân nghĩa làm tiền đề cho lời tuyên bố về chủ quyền của một quốc gia và chắc chắn rằng dòng giống con Rồng cháu Tiên sẵn sàng đánh đổi tất cả để giữ vững quyền tự do độc lập đó.

 Soi chiếu lí luận vào thực tiễn, hình ảnh nhân dân ta quằn quại đau đớn dưới gót giày thống trị của giặc Minh không khỏi khiến người đời xót xa:

“Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”.

Nặng thuế khoá sạch ko đầm núi

Vét sản vật, bắt dò chim sá, chốn chốn lưới chăng

Nhìu nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cặm đặt

Tàn hại cả giống côn trùng, cây cỏ

Tan tác cả nghề canh cửi…

Người bị ép xuống biển, dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng.

Kẻ bị đem vào núi, đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước độc.

Nặng nề những nỗi phu phen

Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng”

Nguyễn Trãi đã vạch trần sự bịp bợm, giả dối của những kẻ cướp nước với ý đồ xâm lược nước ta (“nhân”, “thừa cơ”) mà lại giao giảng những thứ đạo lí lừa đời. Chúng bóc lột nhân dân ta đến kiệt cùng: tàn sát người vô tội, vơ vét tài nguyên, phá hoại môi trường,… Một sự hủy diệt tàn bạo khiến trời đất cũng phải căm phẫn. Hình ảnh phóng đại “Trúc Nam Sơn ko ghi hết tội nước Đông Hải ko rửa hết mùi” với sự ví von tội ác của giặc trước sự vô cùng vô tận của tự nhiên thêm phần khẳng định tội ác không thể nào gột rửa của kẻ thù. Dường như trong lồng ngực chúng không còn là trái tim, là dòng máu của một con người mà là khối sắt không có cảm giác. Chúng như những con quỷ khát máu lúc nào cũng nhe nanh đi đòi mạng những người dân lành. Câu hỏi tu từ mở ra cũng là lúc thái độ nhân dân phẫn uất đến cùng cực:

“Lẽ nào trời đất dung tha

Ai bảo thần dân chịu được”

Vũ trụ ngàn năm còn chẳng xuôi lòng trước bàn tay độc ác của quân thù nữa là người dân!

Như một kết quả tất yếu khi nước tràn li, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã nổ ra, đòi lại hòa bình cho đất nước. Mở đầu là hình tượng vị anh hùng Lê Lợi “áo vải”:

“Ta đây

Núi Lam Sơn dấy nghĩa

Chốn hoang dã nương mình”

 Xuất thân từ nông dân, mang theo lòng căm thù giặc sâu sắc, con người tài trí hết  mực ấy một lòng thực hiện lí tưởng cao cả. Quên ăn, quên ngủ, cả trong mộng cũng lo việc nước nhà không thành. Những câu văn khắc sâu thêm ý chí, lòng quyết tâm vì đại nghĩa của một vị chủ tướng vừa có tâm vừa có tài, hết lòng vì đại cuộc. Giai đoạn phản công và giành thắng lợi được tác giả sử dụng phép liệt kê nhằm nhấn mạnh thêm không khí chiến đấu sôi sục và sự chiến thắng giòn giã của ta. Đối lập với chiến thắng tất yếu ấy là sự thất bại nhục nhã ê chề của giặc:

“Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,

Lí An, Phương Chinh nín thở cầu thoát thân.”

Ở giai đoạn hai, quân ta mở chiến dịch tiến quân ra Bắc. Giặc thì huy động tổng lực cố thủ, ta thì hừng hực quyết thắng. Bằng cách nói cường điệu, Nguyễn Trãi đã khiến người đọc có ấn tượng sâu sắc về sự ác liệt của trận chiến, sự thất bại nhục nhã của giặc Minh:

“Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm

Tốt Động thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.

Phúc âm quân giặc: Trần Hiệp đã phải bêu đầu.

Mọt gian kẻ thù: Lí Lượng cũng đành bỏ mạng.”

Nghệ thuật phóng đại (“thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm”) khiến người đọc có ấn tượng sâu sắc về sự ác liệt của trận chiến cũng như sự bại vong của giặc Minh. Với tấm lòng nhân nghĩa nghìn đời, “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn” thì quân và dân ta chọn cách ứng xử nhân đạo với những kẻ cướp nước bại trận:

“Thần vũ chẳng giết hại thể lòng trời ta mở đường hiến sinh,

Mã Kì, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền ra đến bể vẫn hồn bay phách lạc.

Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa về đến nước mà vẫn tim đập chân run.”

Ta không cần phải đuổi cùng giết tận, Nguyễn Trãi thực sự thanh cao khi biết việc bây giờ không phải khiến mất thêm bất kì sinh mạng nào mà cần tập trung lo cho binh sĩ, lo cho nhân dân sau những ngày binh đao dồn dập.

Niềm tin của nhân dân sau những ngày đại thắng thêm vững mạnh. Nguyễn Trãi thay mặt vua Lê, tuyên cáo với toàn thiên hạ rằng đất nước đã hoà bình, mở ra một kỉ nguyên mới của dân tộc – kỉ nguyên độc lập, tự do:

“Xã tắc từ đây vững bền

Giang sơn từ đây đổi mới.”

Giọng điệu vô cùng hào sảng, hình ảnh về tương lai đất nước chưa bao giờ ngời sáng hơn thế. Vua dân chung một lòng lạc quan về sự nghiệp xây dựng đất nước. Vậy là trên mọi miền quê, dưới mỗi mái nhà, độc lập, tự do và sự yên bình đã thực sự trở lại. Cuối cùng, Nguyễn Trãi không quên nhắn gửi lời biết ơn chân thành tới ông cha ta:

“Âu cũng nhờ trời đất tổ tông

Linh thiêng đã lặng thầm phù trợ”

Thật vậy, ““Bình Ngô Đại Cáo” là một áng văn chương hùng tráng, với hơi văn cuồn cuộn.” Tác phẩm ngùn ngụt chí khí khẳng định chân lí độc lập của dân tộc và lời tuyên bố thành lập triều đại mới. Lòng yêu nước, chiến thuật quân sự đúng đắn đã khiến quân thù phải khiếp sợ mà lui. Nguyễn Trãi bằng ngòi bút điêu luyện của mình, đã vận dụng tài tình thể cáo, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất chính trị và chất văn chương. Biện pháp liệt kê, phóng đại cũng được đan xen triệt để, tạo nên những hiệu quả nghệ thuật thật tuyệt vời.

“Bình Ngô Đại Cáo” thực sự là  một áng thiên cổ hùng văn. Qua đó, Nguyễn Trãi thể hiện rõ ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền độc lập dân tộc, khẳng định truyền thống yêu nước ngàn đời. Khí thế ấy còn vang vọng trong bài ngâm bên sông như Nguyệt hôm nào:

“Nam quốc sơn hà Nam đế cư,

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.”

(Nam quốc sơn hà)